

Sức mạnh mềm văn hóa Trung Quốc tác động tới Việt Nam và một số nước Đông Á

TS. NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG (chủ biên, 2016), *Sức mạnh mềm văn hóa Trung Quốc tác động tới Việt Nam và một số nước Đông Á*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 323 tr.

Hoài Phúc, Lê Quang Minh lược thuật

Đối với một quốc gia, sức mạnh mềm tồn tại ngay trong văn hóa, các giá trị và chính sách của quốc gia đó. Với sức mạnh kinh tế đang lên, Trung Quốc muốn dùng ảnh hưởng văn hóa và công cụ hỗ trợ phát triển nhằm tạo nền tảng cho việc tăng cường buôn bán thương mại với các quốc gia đối tác và tạo dựng một hình ảnh trỗi dậy hòa bình, xóa đi những lo ngại về một Trung Quốc nổi lên có khả năng đe dọa đến hòa bình và an ninh trên thế giới.

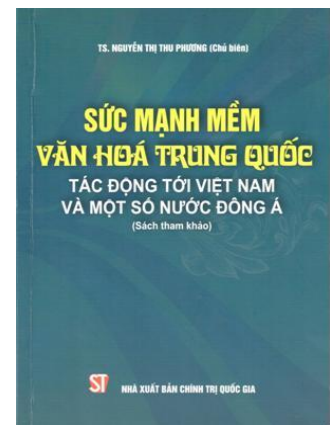
Tuy nhiên, việc tạo dựng và vận dụng sức mạnh mềm văn hóa là một vấn đề không đơn giản đối với nhiều quốc gia trong quan hệ quốc tế, đặc biệt là các cường quốc lớn muốn khẳng định vị thế dẫn đầu về văn hóa. Bên cạnh việc gia tăng “một cách bất thường” các Học viện Không Tử - một trong những cái cầu để Trung Quốc bước ra thế giới và nối giấc mơ của Trung Quốc với giấc mơ của nhân loại, thì hành động Trung Quốc khởi động các tranh chấp lãnh thổ với các nước lân cận đang đưa nước này vào một hình ảnh trái ngược và đẩy sức mạnh mềm văn hóa Trung Quốc vào tình trạng phải đối mặt với các phản ứng hoài nghi, mất lòng tin, phản cảm, thậm chí phòng vệ của người dân Đông Á và Đông Nam Á.

Nội dung cuốn sách mang lại một cách nhìn mới hơn về sức mạnh mềm văn hóa từ góc nhìn Việt Nam, từ đó nhận diện mức độ tác động của sức mạnh mềm văn hóa Trung Quốc để

có những tỉnh táo, thận trọng trong việc tiếp biến có chọn lọc những tác động tích cực và tăng cường “nội lực” văn hóa nhằm chống đỡ, hóa giải được những tác động nguy hại từ sức mạnh mềm văn hóa Trung Quốc, xây dựng chiến lược nâng cao sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam.

1. Sức mạnh mềm văn hóa và mục tiêu gia tăng sức mạnh mềm văn hóa của Trung Quốc

Theo các tác giả, “sức mạnh mềm văn hóa” là sức hấp dẫn, thuyết phục, khả năng ảnh hưởng, lôi cuốn của một quốc gia đối với các quốc gia khác bằng các giá trị văn hóa, tinh thần, hệ tư tưởng, thể chế văn hóa, chính sách ngoại giao văn hóa



mang tính phi cưỡng chế. Tuy nhiên, sức mạnh mềm văn hóa cũng được hiểu như khả năng của một quốc gia chủ động tiếp nhận, hấp thu, tiếp biến có chọn lọc những tinh hoa văn hóa từ bên ngoài, đồng thời có sức chống đỡ, hóa giải được những tác động nguy hại, gây xói mòn các giá trị nền tảng, làm giảm bản sắc văn hóa của một quốc gia.

Các nghiên cứu xoay quanh sức mạnh mềm văn hóa cho thấy, các quốc gia thường hướng nguồn lực này tới hai mục tiêu chính trong quan hệ quốc tế: Tạo dựng hình ảnh quốc gia, mở rộng khả năng ảnh hưởng hoặc sức hấp dẫn, tăng thêm sự hiểu biết và giao lưu văn hóa; Giảm bớt hoặc loại trừ hiểu lầm, hàn gắn xung đột và hướng đến sự đồng thuận, chia sẻ lợi ích. Đối với Trung Quốc, *xây dựng hệ giá trị mới, gia tăng sức ảnh hưởng văn hóa* là hai mục tiêu sức mạnh mềm văn hóa được đưa ra trong mục tiêu chung nhằm đưa quốc gia này tiến gần hơn tới mục tiêu lâu dài trở thành “cường quốc văn hóa xã hội chủ nghĩa” dẫn dắt, lãnh đạo thế giới. Xoay quanh các mục tiêu công khai này, giới lãnh đạo Trung Quốc tiếp tục phân nhỏ thành các mục tiêu cụ thể bao gồm: Xoa dịu dư luận quốc tế, quảng bá hình ảnh quốc gia; Ngăn cản những nhân tố văn hóa phương Tây gây xói mòn các giá trị và làm tổn hại tới chủ quyền văn hóa Trung Quốc; Hoàn thiện cấu trúc sức mạnh mềm văn hóa, tạo mối liên kết toàn diện với sức mạnh tổng hợp quốc gia; Thiết lập “vành đai văn hóa mới” tại khu vực Đông Á, từng bước cạnh tranh vị thế dẫn đầu với các cường quốc sức mạnh mềm văn hóa trên thế giới; Chuyển hóa sức mạnh mềm văn hóa Trung Quốc thành sức mạnh cứng trong trường hợp phải bảo vệ lợi ích quốc gia.

Tham gia vào cuộc cạnh tranh sức mạnh mềm văn hóa khá muộn, song tham

vọng của Trung Quốc khá lớn. Với sự xuyên suốt của tư tưởng “bình thiên hạ” có khả năng chi phối mọi chính sách qua các thời đại, Trung Quốc luôn hướng tới giấc mộng “thế giới đại đồng” trong đó các quốc gia không xếp hàng ngang (mạng lưới) theo các lý thuyết quan hệ quốc tế phương Tây, mà xếp theo hàng dọc (hình tháp) với đỉnh cực (lãnh đạo) của nó là Trung Quốc.

2. Các kênh tác động của sức mạnh mềm văn hóa Trung Quốc tại một số nước Đông Á và Việt Nam

Đi sau các cường quốc lớn trên thế giới trong cuộc đua sức mạnh mềm văn hóa, theo các tác giả, Trung Quốc tỏ ra “thực dụng” hơn các cường quốc văn hóa đi trước khi lựa chọn *ngoại giao văn hóa, truyền thông và tài trợ, hợp tác kinh tế* làm ba kênh tác động chính để gia tăng sức hấp dẫn, lôi kéo, ràng buộc đối với một số quốc gia Đông Á - nơi từng chịu ảnh hưởng của Trung Quốc về văn hóa và chính trị lâu dài trong lịch sử, nhất là các nước tương đồng về ngôn ngữ, chữ viết, tôn giáo, thể chế và hệ tư tưởng chính trị. Trong quá trình triển khai, các kênh tác động được Trung Quốc áp dụng trước hết đối với các nước láng giềng Đông Nam Á và Đông Bắc Á, đồng thời đặc biệt chú ý tới các quốc gia láng giềng có cộng đồng Hoa kiều lớn mạnh.

** Đối với kênh ngoại giao văn hóa*

Trung Quốc lựa chọn truyền bá ngôn ngữ, hợp tác giáo dục, xúc tiến quảng bá, giao lưu văn hóa nghệ thuật, thể thao và xuất khẩu các sản phẩm văn hóa... làm các kênh tác động chính nhằm biến đổi, lôi cuốn, thuyết phục thế giới nói chung và một số nước tại khu vực Đông Á nói riêng.

Thông qua con đường chính thức, Trung Quốc đã ký hiệp định văn hóa cấp Chính phủ với 145 quốc gia, ký 682 kế

hoạch giao lưu văn hóa hàng năm, thành lập Trung tâm Văn hóa Trung Quốc ở Pháp, Ai Cập, Hàn Quốc... Năm văn hóa cũng là một trong những kênh tác động quan trọng đưa sức mạnh mềm văn hóa Trung Quốc thâm thấu vào đời sống xã hội các quốc gia khác. Những năm đầu thế kỷ XXI, Trung Quốc đã tổ chức nhiều hoạt động Tuần văn hóa, Tháng văn hóa và Năm văn hóa Trung Quốc ở các nước Pháp, Mỹ, Ai Cập, Nga, Ấn Độ, Phần Lan... Ngoài ra, Trung Quốc còn tận dụng mọi cơ hội tổ chức các sự kiện có ảnh hưởng trên phạm vi toàn cầu, điển hình như Triển lãm Thượng Hải năm 2010. Giao lưu thể dục, thể thao cũng là một kênh tác động được Trung Quốc triển khai khá linh hoạt trong quan hệ quốc tế. Phát huy lợi thế không biên giới trong hoạt động thể dục, thể thao, Trung Quốc đã đầu tư các khoản kinh phí khổng lồ để tổ chức Thế vận hội Bắc Kinh 2008 nhằm phổ biến tinh thần thể thao và quảng bá với toàn thế giới nền văn hóa của mình.

Sau Chiến tranh Lạnh, hợp tác giáo dục giữa các nước phát triển nhanh chóng trở thành một phương thức mới, mạnh mẽ của chính sách đối ngoại. Trong bối cảnh đó, Trung Quốc cũng biến trao đổi giáo dục thành một kênh tăng cường khả năng tác động của sức mạnh mềm văn hóa trên phạm vi toàn cầu, tiến hành hợp tác với 189 quốc gia và khu vực trên thế giới. Tại một số nước Đông Bắc Á như Nhật Bản và Hàn Quốc, hợp tác giáo dục - đào tạo và giao lưu văn hóa là những lĩnh vực được Trung Quốc chú trọng. Năm 1994, có 5.055 lưu học sinh Nhật Bản đến Trung Quốc, đến năm 2006 con số này đã lên đến 18.363 người, tăng từ 9,2% lên 24% tỷ lệ lưu học sinh Nhật Bản ở nước ngoài. Số lưu học sinh Trung Quốc tại Nhật Bản cũng chiếm đến 18% tổng số lưu học sinh các nước tại Nhật Bản. Ở Hàn Quốc,

Trung Quốc cũng tập trung gia tăng sức hấp dẫn văn hóa thông qua kênh giao lưu và trao đổi giáo dục. Đến năm 2004, có 130 trường đại học Trung Quốc và 120 trường đại học Hàn Quốc ký kết hợp tác đào tạo, nghiên cứu, trao đổi giáo sư và sinh viên. Năm 2006, có 54.000 lưu học sinh Hàn Quốc đến học tập tại Trung Quốc, chiếm 38% tổng số lưu học sinh tại Trung Quốc và là một trong những nước có số lưu học sinh đông nhất tại đây. Năm 2009, con số này tăng lên đến 66.800 người. Năm 2010, lưu học sinh Trung Quốc ở Hàn Quốc chiếm số lượng đông nhất, tới 70% số lưu học sinh tại quốc gia này với con số lên đến 53.461 người. Cùng với sự phát triển của mạng lưới Học viện Khổng Tử, trao lưu học tiếng Trung cũng xuất hiện rộng rãi ở Hàn Quốc. Bên cạnh việc tăng cường thiết lập các Trung tâm Văn hóa Trung Quốc, việc tổ chức các sự kiện giao lưu văn hóa tại Hàn Quốc và Nhật Bản cũng là kênh gia tăng tác động của sức mạnh mềm văn hóa Trung Quốc.

Tại một số nước Đông Nam Á như Thailand, Philippines, hàng loạt chương trình “Vui xuân” đã được tổ chức vào các dịp lễ tết, Tết cổ truyền của Trung Quốc với các tiết mục đậm nét văn hóa của đất nước này như kịch, các điệu nhảy của các dân tộc thiểu số, biểu diễn xiếc... Bên cạnh đó, các hoạt động triển lãm văn hóa cũng được Chính phủ Trung Quốc lồng ghép trong các dịp kỷ niệm thiết lập quan hệ ngoại giao với một số nước Đông Nam Á như Myanmar, Philippines, Singapore, Lào... Từ năm 2008, Chính phủ Trung Quốc và chính phủ các nước Campuchia, Lào, Thailand, Việt Nam đã ký Hiệp định hợp tác trao đổi giáo dục và công nhận học vị lẫn nhau. Năm 2011, nhân kỷ niệm năm thiết lập quan hệ đối ngoại Trung Quốc - ASEAN, hai bên đã tổ chức nhiều hoạt động trao đổi giáo dục, đồng thời đề

ra mục tiêu đến năm 2020 tăng số lượng lưu học sinh của ASEAN ở Trung Quốc là 100.000 người và số lượng lưu học sinh Trung Quốc học tập tại các nước ASEAN cũng tăng lên 100.000 người. Dự kiến trong 10 năm tới, Trung Quốc sẽ cấp 10.000 học bổng của Chính phủ cho sinh viên các nước Đông Nam Á, mời khoảng 10.000 giáo viên, học giả và sinh viên các nước khu vực này sang thăm Trung Quốc. Bên cạnh đó, từ năm 2004, Trung Quốc đã cử hơn 2.000 giáo viên và tình nguyện viên đến dạy tiếng Trung Quốc tại các quốc gia và khu vực, trong đó có các nước Đông Nam Á như Indonesia, Singapore, Thailand và Việt Nam.

Tại Việt Nam, hàng năm Trung Quốc đều đưa đoàn nghệ thuật sang biểu diễn nhân dịp Quốc khánh Việt Nam. Ngoài ra, mỗi năm thường có hàng chục đoàn sang thăm, biểu diễn tại các địa phương của Việt Nam. Đối với sân khấu cổ truyền, dựa vào lợi thế tương đồng của tuồng Việt Nam và kinh kịch Trung Quốc, giữa cải lương Việt Nam và bình kịch, việt kịch của Trung Quốc, nước này đã phối hợp với Việt Nam tổ chức nhiều cuộc hội thảo khoa học và biểu diễn nhằm khẳng định mức độ tiếp nhận nghệ thuật Trung Quốc tại Việt Nam. Các triển lãm, hội chợ cũng được Trung Quốc khai thác mạnh nhằm quảng bá văn hóa nước này đến Việt Nam.

Đặc biệt, sự ra đời của các Học viện Khổng Tử với nhiệm vụ “phổ biến tiếng Hán, giữ gìn và bảo vệ vị thế quốc tế của tiếng Hán, truyền bá văn hóa và xây dựng hình ảnh một nước Trung Quốc hài hòa, hòa bình, thân thiện” là một trong những chiến lược tăng cường sức mạnh mềm văn hóa Trung Quốc. Từ năm 2004 (khi Học viện Khổng Tử đầu tiên được thành lập ở Hàn Quốc) đến tháng 7/2014, tổng số các Học viện Khổng Tử trên thế giới, trong đó bao gồm cả các lớp học Khổng Tử, đã lên

đến con số 1.082 cơ sở/120 quốc gia. Từ việc học theo các tổ chức xúc tiến văn hóa và truyền bá ngôn ngữ phương Tây, theo các tác giả, Chính phủ Trung Quốc đã tạo nên mô hình Học viện Khổng Tử như một tổ chức sư phạm quốc tế, song lại là kênh tuyên truyền đối ngoại quan trọng cho sức mạnh mềm văn hóa.

** Đối với kênh truyền thông*

Năm 2003, Đảng Cộng sản Trung Quốc cùng Quân ủy Trung ương chính thức công bố ứng dụng học thuyết “Tam chủng chiến pháp” gồm chiến pháp tâm lý, chiến pháp dư luận và chiến pháp pháp lý vào việc bảo vệ lợi ích của Trung Quốc. Trong ba chiến pháp này, “chiến pháp dư luận” được xác định là một thủ đoạn truyền thông gây ảnh hưởng, lèo lái dư luận quốc tế theo hướng ủng hộ Trung Quốc, đồng thời phủ nhận những luồng tư tưởng của đối thủ gây bất lợi cho Trung Quốc. Kênh tác động chính của chiến pháp dư luận được sử dụng trong lĩnh vực gia tăng sức mạnh mềm văn hóa bao gồm cả các phương tiện truyền thông truyền thống và các phương tiện truyền thông mới, ngoài ra còn khai thác truyền thông của đối phương hoặc của bên thứ ba để tạo dựng dư luận. Nước này thường xuyên mời các nhà báo nước ngoài tới dự các buổi họp báo tại Bắc Kinh. Trong các chuyến công du, các nhà lãnh đạo Trung Quốc cũng thường xuyên tổ chức các cuộc tiếp xúc với báo giới sở tại. Các tổ chức quốc tế, các tổ chức dân sự và các diễn đàn học thuật, hội thảo cũng được sử dụng để truyền thông tin phù hợp với lợi ích của Trung Quốc.

Các tác giả nhận định, mục đích của chiến pháp dư luận Trung Quốc mang tính hai mặt khá rõ, đặc biệt là khi nó được áp dụng tại Đông Á - nơi mà họ đã và đang đẩy nhiều nước vào tình thế buộc phải hoài nghi, phòng vệ hoặc tìm một sự hậu

thuần khác. Thông qua “màng lọc” của mạng truyền thông dưới sự chỉ đạo của Chính phủ, Trung Quốc cố gắng truyền đi thông điệp rằng sự trỗi dậy của Trung Quốc hoàn toàn không phải là “mối đe dọa” mà là cơ hội cho các quốc gia tại khu vực Đông Á cùng hợp tác để phát triển.

Tại Việt Nam, thông qua các bản ký kết thỏa thuận hợp tác với các đài phát thanh, truyền hình ở Việt Nam, Bộ Phát thanh - Truyền hình và Điện ảnh Trung Quốc đã đặc biệt tạo điều kiện cho các phim truyền hình, điện ảnh thâm nhập vào thị trường văn hóa Việt Nam. Số liệu thực tế cho thấy, số phim truyền hình Trung Quốc được chiếu ở Việt Nam đã tăng vọt trong những năm gần đây với mật độ phát sóng khá dày đặc. Theo thống kê chưa đầy đủ, năm 2009 có 348 bộ phim truyền hình Trung Quốc được chiếu trên các kênh truyền hình từ Trung ương đến địa phương của Việt Nam, con số năm 2010 là 304, năm 2011 là 369. Tính riêng tháng 4/2014 (trước thời điểm Trung Quốc hạ đặt giàn khoan HD981 tại vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam), đã có tới 182 bộ phim truyền hình nước này được phát trên 65 đài truyền hình của Việt Nam... Không chỉ được biết đến bởi các bộ phim truyền hình hay những sản phẩm game hấp dẫn, theo các tác giả, truyền thông của Trung Quốc tại Việt Nam còn biến thành “chiến pháp” tạo dựng dư luận theo hướng bóp méo sự thật để bảo vệ lợi ích cốt lõi của quốc gia này.

Các tác giả cho rằng, mục đích “đóng khung” tin tức của Trung Quốc đều hướng dư luận vào thái độ phản nộ trước hình ảnh một cường quốc tử tế, thân thiện nhưng lại bị một quốc gia nhỏ, kém phát triển hơn uy hiếp và xâm phạm chủ quyền. Điều đó cho thấy, “chiến pháp dư luận” đã phản ánh một phần sự thật: Trung Quốc vừa muốn trỗi dậy về sức mạnh cứng, lại

vừa muốn trở thành một cường quốc về sức mạnh mềm; vừa muốn duy trì vị thế quốc tế, lại vừa muốn bảo toàn lợi ích, tham vọng quốc gia. Trung Quốc sử dụng các kênh truyền thông như một chiến pháp gây nhiễu loạn tin tức, tạo tâm lý nghi ngờ, thậm chí chia rẽ sâu sắc về quan điểm trong cộng đồng dư luận quốc tế xoay quanh các tranh chấp trên biển với các nước láng giềng như Việt Nam, Philippines, Nhật Bản đã cho phép nhìn rõ hơn “khuôn mặt” thứ hai của một Trung Quốc có thể bất chấp tất cả, thậm chí đi ngược lại với ý nghĩa đích thực của sức mạnh mềm văn hóa - một quyền lực của vẻ đẹp ứng xử, sức lôi cuốn và khả năng chia sẻ giá trị để đạt được các lợi ích cốt lõi đầy tham vọng của quốc gia này.

** Đối với kênh tài trợ và hợp tác kinh tế*

Đối với các nước Đông Nam Á, nơi chịu nhiều ảnh hưởng văn hóa Trung Quốc trong quá khứ, đồng thời cũng là nơi các quốc gia đang phát triển luôn cần sự đầu tư, vốn và công nghệ từ các cường quốc khác, Trung Quốc coi “hướng Nam” là một chiến lược cần thiết nhằm gây dựng nền móng cơ bản cho tiến trình vươn rộng để dẫn dắt thế giới về văn hóa và các giá trị trong tương lai thông qua kênh tác động mang tính “đòn bẩy” là tài trợ và hợp tác kinh tế.

Theo một thống kê, năm 2004, Trung Quốc đã tiến hành xóa nợ cho các nước nghèo nhất của khu vực như Lào, Campuchia và Myanmar; dành cho ba nước thành viên mới của ASEAN những ưu đãi thuế quan bằng không đối với nhiều mặt hàng xuất khẩu vào Trung Quốc trong khuôn khổ “Hiệp định khung hợp tác kinh tế toàn diện Trung Quốc - ASEAN”. Các khoản viện trợ của Trung Quốc dành cho các nước Đông Nam Á đã tăng lên không ngừng và nhanh chóng vượt qua Mỹ. Năm 2006, viện trợ của

Trung Quốc cho Philippines đã gấp 4 lần của Mỹ, viện trợ của nước này cho Lào cũng gấp 3 lần của Mỹ. Hiện nay, Trung Quốc đang được coi là “nhà bảo trợ kinh tế chính” của Campuchia, Lào - hai nước nhỏ nhưng quan trọng về mặt chiến lược. Vào thời điểm giữa Trung Quốc và một số nước khác trong khu vực xảy ra tranh chấp biển đảo, quốc gia này thường sử dụng các khoản tài trợ kinh tế có trọng điểm nhằm phân hóa, chia rẽ các quốc gia.

Trên kênh hợp tác kinh tế, Trung Quốc kỳ vọng, thông qua nâng cao năng lực xuất khẩu các sản phẩm văn hóa, nước này có thể cạnh tranh khả năng thâm thấu và lan tỏa văn hóa với Mỹ, Hàn Quốc và Nhật Bản tới các nước Đông Á. Khác với việc chú trọng đầu tư hợp tác thương mại về văn hóa vào hai cường quốc sức mạnh mềm văn hóa tại khu vực Đông Bắc Á là Nhật Bản và Hàn Quốc, việc hợp tác đầu tư với các nước Đông Nam Á lại hướng tới mục tiêu vừa bảo đảm những lợi ích kinh tế chiến lược, vừa gia tăng được khả năng lôi kéo, ràng buộc và chi phối của Trung Quốc về văn hóa, chính trị.

3. Phản ứng của một số nước Đông Á

Theo các tác giả, sức mạnh mềm văn hóa Trung Quốc đã được đón nhận với thái độ cởi mở vào thập niên đầu thế kỷ XXI. Trước hết, đó là thái độ cởi mở hơn với văn hóa và ngôn ngữ Trung Quốc. Sự phổ biến tiếng Trung và văn hóa Trung Quốc ở các nước Đông Á một mặt thể hiện sức hấp dẫn của tăng trưởng kinh tế Trung Quốc, nhưng mặt khác cũng chứng tỏ văn hóa nước này đã tạo ra một sức hút và cái nhìn thiện cảm hơn từ các nước trong khu vực.

Tuy nhiên, trong vài năm gần đây, sức mạnh mềm văn hóa Trung Quốc đang phải đối mặt với sự hoài nghi, thậm chí phản ứng dữ dội từ các quốc gia Đông Á.

Phản ứng tiêu cực từ khu vực này đối với Trung Quốc đang ngày càng gia tăng, thể hiện ở việc: không tự nguyện tiếp nhận hình thái ý thức, hệ giá trị Trung Quốc; không tin tưởng, thiếu thiện chí, phản cảm với hình ảnh và cách hành xử của Trung Quốc; hoài nghi về sự can thiệp của “bàn tay Chính phủ Trung Quốc” và mối quan ngại một cuộc xâm lăng văn hóa mới.

Giới lãnh đạo Trung Quốc thường cho rằng, sức mạnh mềm văn hóa là một chỉ số quan trọng góp phần đưa Trung Quốc trở thành cường quốc văn hóa xã hội và là trung tâm văn hóa thế giới mới của nhân loại với “hình thái ý thức, hệ giá trị có sức lôi cuốn, hấp dẫn, thuyết phục các quốc gia khác”. Tuy nhiên, việc không có nguồn lực thực tế để “xuất khẩu” hệ giá trị chung về tư tưởng đạo đức và văn hóa đương đại mang tính dẫn dắt và lan tỏa ra bên ngoài đã khiến Trung Quốc buộc phải lấy nền văn minh cổ xưa làm công cụ thể hiện vai trò dẫn đầu trong việc tạo nên một cách định nghĩa mới về cái được gọi là giá trị châu Á.

Nhiều người Trung Quốc cho rằng, giá trị truyền thống với cốt lõi là Nho giáo sẽ đại diện cho các giá trị và tầm nhìn Trung Quốc theo một cách khác hẳn so với văn minh phương Tây. Và việc các quốc gia châu Á, đặc biệt là Đông Á, đã quen thuộc với Nho giáo và các giá trị của Nho giáo sẽ là điều kiện thuận lợi để Trung Quốc tái thiết lại những giá trị phổ quát tại khu vực. Tuy nhiên, những giá trị mà Trung Quốc hy vọng, trên thực tế đã được các quốc gia Đông Á tiếp nhận và bản địa hóa từ hàng ngàn năm trước. Thậm chí, trong trường hợp Nhật Bản, Hàn Quốc và Việt Nam, mức độ bản địa hóa khá sâu và có những nét đặc thù riêng biệt. Vì vậy, theo các tác giả, khó có thể coi đây là một thành công mới của sức

manh mềm văn hóa Trung Quốc trong việc tác động tới nhận thức khu vực.

Trong khi Trung Quốc đang gặp khó khăn trong việc tạo ra hệ giá trị mới hay tìm cho mình một học thuyết kinh tế mới tương ứng với sự phát triển ngoạn mục về kinh tế của họ, thì ngay tại Trung Quốc và hầu hết các nước Đông Á, các học thuyết mới của phương Tây đang nhanh chóng được đón nhận và ứng dụng trong nhiều lĩnh vực. Đây chính là lý do khiến Trung Quốc phải đối mặt với thực tế các quốc gia có chỉ số phát triển cao như Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore không cần thiết phải tiếp nhận, mô phỏng, sao chụp hay tuân theo hệ giá trị, mô hình kinh tế hay thể chế chính trị mà Trung Quốc đang nỗ lực thể hiện. Ngay cả với các quốc gia đang phát triển tại Đông Nam Á, việc tiếp nhận, mô phỏng Trung Quốc cũng khó khả thi khi nhiều giá trị phương Tây đang hiện diện ở khắp nơi và các trào lưu văn hóa của Hàn Quốc, Nhật Bản dường như đang có sức lôi cuốn khá mạnh mẽ.

Những năm thập niên thứ hai của thế kỷ XXI, việc hành xử “không bao giờ hy sinh lợi ích quốc gia cốt lõi bất chấp hoàn cảnh nào” dù đó là hành động xâm phạm chủ quyền lãnh thổ các quốc gia khác đã khiến sức mạnh mềm văn hóa Trung Quốc mất đi hầu hết mọi nỗ lực duy trì hình ảnh một quốc gia trỗi dậy hòa bình, thân thiện với các nước láng giềng. Trên thực tế, hành động đặt lợi ích cốt lõi quốc gia bất chấp tất cả của Trung Quốc đã chạm tới tầng sâu nhất và đánh thức ý thức phòng vệ, phản kháng Trung Quốc vốn hằn sâu trong tâm lý dân tộc của nhiều quốc gia, gây nên chuỗi phản ứng: thiếu thiện cảm, mất niềm tin, nghi ngờ, phản đối, phẫn nộ, thù hận trên toàn khu vực. Như một hiệu ứng domino, chuỗi phản ứng này đang hủy hoại nỗ lực xây dựng hình ảnh quốc gia của Trung Quốc tại khu vực Đông Á.

Theo kết quả cuộc điều tra dư luận xã hội về sức mạnh mềm do Hội đồng Chicago về các vấn đề toàn cầu kết hợp với Viện Nghiên cứu Đông Á của Hàn Quốc thực hiện năm 2008, 74% người dân ở Nhật Bản được hỏi cảm thấy lo lắng về mối đe dọa quân sự của Trung Quốc trong tương lai, con số này ở Indonesia là 47%. Cuộc điều tra dư luận xã hội học năm 2008 của Trung tâm Nghiên cứu PEW ở Mỹ cho biết, chỉ có 14% số người Nhật được hỏi tỏ thái độ thiện cảm với Trung Quốc. Một cuộc điều tra ở Nhật Bản và Trung Quốc năm 2012 cũng cho thấy, 87% số người Nhật được hỏi đánh giá Trung Quốc là quốc gia “không thể tin được”, 79% coi Trung Quốc là mối đe dọa về quân sự.

Gần đây nhất, theo các tác giả, việc Trung Quốc hạ đặt giàn khoan HD981 vào vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam đã gây mất lòng tin đối với các nước láng giềng và cộng đồng thế giới, đồng thời phá hỏng nỗ lực xây dựng hình ảnh Trung Quốc thân thiện, hòa bình và tôn trọng luật pháp quốc tế. Các làn sóng biểu tình tại Việt Nam và Philippines phản đối Trung Quốc đã cho thấy, chính “trò chơi bá quyền” với phương thức “gian lận lịch sử ngoạn mục” mà Trung Quốc là tác giả đã nhanh chóng hủy hoại và đẩy hình ảnh “nước lớn phát triển hòa bình” “vào vòng xoáy ác tính” của chủ nghĩa dân tộc cực đoan tại Việt Nam và Philippines.

Đối với truyền thông Trung Quốc, thái độ của các nước trong khu vực về cơ bản là tiêu cực. Bởi ngay cả khi các hiện tượng thực phẩm ô nhiễm, sơn nhiễm độc, trò chơi trẻ em không an toàn, sầm lốp ô tô tiềm ẩn tai họa... ở Trung Quốc bị báo chí thế giới phơi bày, thì phản ứng của truyền thông nước này vẫn thống nhất một thông điệp “99% sản phẩm xuất khẩu Trung Quốc đạt tiêu chuẩn”. Do đó, việc

Trung Quốc xếp thứ 183 trên tổng số 197 quốc gia về tự do báo chí trong bảng xếp hạng năm 2014 của Freedom House không phải điều đáng ngạc nhiên.

Riêng đối với các Học viện Khổng Tử, hiện nay không ít ý kiến cho rằng, Học viện Khổng Tử như những tổ chức đem đến nguy cơ xâm lược văn hóa và tuyên truyền hệ tư tưởng của Nhà nước Trung Quốc. Sự nở rộ thần tốc của nó đang khiến dư luận quốc tế đi từ thán phục sang băn khoăn, nghi ngờ về chất lượng. Theo các tác giả, qua thực tế phát triển của Học viện Khổng Tử, khó có thể tin rằng tác dụng kép của Học viện Khổng Tử trong việc phát triển thái độ tích cực và ảnh hưởng chính sách có thể trở thành hiện thực, ít nhất là đối với hai trường hợp Nhật Bản và Việt Nam.

4. Gợi ý chính sách cho Việt Nam

Việt Nam có vị trí địa chiến lược đặc biệt quan trọng trên ngã tư chiến lược nối liền Đông Bắc Á và Đông Nam Á, giữa lục địa và đại dương. Bởi vậy Việt Nam luôn là đối tượng đầu tiên trong các bước đi của Trung Quốc nhằm hiện thực hóa tham vọng chi phối trật tự Đông Á. Việc sử dụng sức mạnh mềm văn hóa hiện nay cũng như trong tương lai của Trung Quốc luôn liên quan mật thiết với sức mạnh tổng hợp quốc gia nhằm chi phối, lôi kéo, ràng buộc và kiềm chế Việt Nam. Cụ thể là: lôi kéo, dẫn dắt, ràng buộc Việt Nam vào mối quan hệ bất cân xứng về sức mạnh; thu hút Việt Nam vào mô hình “cường quốc văn hóa xã hội chủ nghĩa Trung Quốc”.

Cùng với sự lớn mạnh về kinh tế và quân sự, Trung Quốc đang gia tăng sức mạnh mềm văn hóa đối với Việt Nam. Chính sách vừa hỗ trợ tạo ảnh hưởng tìm kiếm lợi ích, vừa kiềm chế để kiểm soát của Trung Quốc đã và đang đặt ra cho Việt Nam những thách thức lớn cần giải

quyết. Để chủ động tiếp nhận, hấp thu, tiếp biến có chọn lọc những tác động tích cực, đồng thời chống đỡ, hóa giải những tác động tiêu cực từ các chiều hướng gia tăng của sức mạnh mềm văn hóa trong mối quan hệ chặt chẽ với hệ thống sức mạnh quốc gia của Trung Quốc, các tác giả đề xuất một số định hướng chính sách sau. *Thứ nhất*, cần chủ động tiếp nhận một cách có kiểm soát các tác động tích cực của sức mạnh mềm văn hóa trong quan hệ với sức mạnh tổng thể quốc gia. *Thứ hai*, linh hoạt và mềm dẻo trong việc sử dụng các kênh tác động nhằm tuyên truyền rộng rãi sự nhất quán trong phát ngôn cũng như hành động của Việt Nam đối với các tranh chấp trên biển do Trung Quốc gây ra, từ đó củng cố lòng tin và hướng dư luận thế giới tới nhận thức rõ ràng hơn về tham vọng bá quyền cũng như cách hành xử bất nhất của Trung Quốc. *Thứ ba*, đối với các kênh tác động trực tiếp của sức mạnh mềm văn hóa Trung Quốc trên phương diện ngoại giao văn hóa và truyền thông, cần tỉnh táo, thận trọng trong việc tiếp nhận, hấp thu, tiếp biến có chọn lọc những tác động tích cực từ sức mạnh mềm văn hóa Trung Quốc, đồng thời tăng cường “nội lực” văn hóa nhằm chống đỡ, hóa giải được những tác động nguy hại, gây xói mòn các giá trị nền tảng, làm giảm đi bản sắc văn hóa, chủ quyền văn hóa quốc gia. *Thứ tư*, sức mạnh mềm văn hóa là một hệ thống lý thuyết đã được triển khai tại nhiều quốc gia trên thế giới, Việt Nam xét trong cấu trúc sức mạnh mềm là một quốc gia có nhiều điều kiện, cơ hội để gia tăng sức mạnh mềm văn hóa. Do sự đa dạng và phức tạp của sức mạnh mềm văn hóa quốc gia nên việc tạo dựng và phát huy nguồn sức mạnh này đòi hỏi phải có một quan điểm chỉ đạo xuyên suốt, thống nhất. Cần xem xét khả năng xây dựng một “chiến lược nâng cao sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam” □